



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be Ward, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 33/2026

(12/08/2025 – 18/08/2026)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, tuần qua chỉ số BDI tuần qua hạ nhiệt, giảm 231 điểm (↓7,5%) còn 2.815 điểm. Tổng quan các chỉ số thuê tàu như sau: Capesize BCI giảm đến 549 điểm (↓10,9%) còn 4.452 điểm. Panamax BPI cũng giảm thêm 157 điểm (↓6,7%) còn 2.155 điểm. Ngược lại, Supramax BSI tăng 31 điểm (↑1,9%) lên 1.631 điểm. Handysize nhìn chung ổn định hơn, chỉ giảm nhẹ 4 điểm (↓0,5%) còn 866 điểm. Hoạt động mua bán tàu trở lại rõ nét hơn với sự đóng góp chủ yếu của các phân khúc Panamax-Ultramax-Supramax. Ở phân khúc Supramax, tuần này ghi nhận giá tàu trẻ size 58k tiếp tục lập đỉnh. Đơn cử chủ tàu NYK Nhật bán tàu **Global Oriole** (58.716 dwt, đóng 2012, đã lắp máy lọc khí scrubber, DD/SS 04/2027) với giá khá tốt khoảng 19,5 triệu đô la Mỹ dù tàu đóng tại xưởng NACKS Trung Quốc, thiết bị Nhật nhưng máy chính MAN-B&W do Hudong Trung Quốc sản xuất. Tàu nhỏ hơn **Sanctum** (56.140 dwt, đóng 2012 Nhật, DD 05/2028, SS 07/2030) bán cho Người mua Indonesia với giá khoảng 19,2 triệu đô la Mỹ - mức hợp lý thị trường hiện nay. Cần so sánh thêm với tàu già **Lila Mundra** (57.269 dwt, đóng xưởng 2009, DD 07/2027, SS 05/2029) cũng được chủ tàu UAE bán tuần qua với giá khoảng 12,5 triệu đô la Mỹ - mức khá rẻ trong thị trường hiện nay do tàu đóng tại xưởng Hàn STX tại Trung Quốc. Sang mảng Handysize, một thương vụ đã hoàn tất nhưng đến giờ mới công khai rộng rãi là tàu **Amira Diana** (36.009 dwt, đóng 2010, DD 10/2028, SS 04/2030) được chủ tàu Hy Lạp bán cho Người mua Singapore với giá khoảng 11,5 triệu đô la Mỹ - mức giá hợp lý vì tàu đóng tại xưởng Hàn Samjin đặt tại Trung Quốc. Theo thông kê, số lượng hoạt động mua bán tàu khô trong vòng 7 tháng đầu năm 2026 khá tích cực và cao hơn khoảng 17% so với năm 2025, trong đó ghi nhận tháng 5 là tháng cao điểm nhất. Hai phân khúc chiếm tỷ trọng mua bán cao nhất thuộc về Handysize và Supramax. Trong khi đó, độ tuổi tàu trung bình được ưu tiên nhất là khoảng 11-15 tuổi, song nhu cầu tàu trẻ hơn cũng tăng đáng kể.

Ở mảng tàu dầu/hoá chất, tuần qua chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) tiếp tục tăng 231 điểm (↑8,6%) lên 2.894 điểm – mức cao nhất trong vòng 4 tháng trở lại đây. Ngược lại, chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) tiếp tục hạ nhiệt, giảm thêm 77 điểm (↓5,69%) còn 1.274 điểm. Nhìn chung với các yếu tố địa chính trị không ổn định như hiện nay khiến giá dầu lại nhích thêm một chút, cước tàu cũng tăng trở lại (nhất là khu vực Trung Đông) trong bối cảnh nguồn cung tàu hạn chế và phí bảo hiểm rủi ro chiến tranh ở mức cao. Các hoạt động mua bán tuần qua ghi nhận sự đa dạng hơn từ cỡ tàu Aframax trở xuống. Thương vụ bán tàu MR chemical **Atlantic Eagle** (47.128 dwt, đóng 2007 Hàn Quốc, DD/SS 12/2027) nay được biết đến rộng rãi với giá khoảng 18 triệu đô la Mỹ cho Người mua Hong Kong. Tháng 5, tàu tương tự **Cordoba** (46.763 dwt, đóng 2007 Hàn Quốc, DD/SS 07/2027) được bán với giá khoảng 17 triệu đô la Mỹ. Ở phân khúc Handy, người mua Hy Lạp chốt tàu **Maersk Kate** (39.756 dwt, đóng 2010 Trung Quốc, DD 10/2028, SS 08/2030) với giá khoảng 21,9 triệu đô la Mỹ. Cũng trong tháng 5, tàu tương tự **Kirsten Maersk** (39.729 dwt, đóng 2010 Trung Quốc, DD 07/2028, SS 06/2030) cũng được bán với giá khoảng 22 triệu đô la Mỹ. Như vậy, giá tàu Handy 39-40k dwt xung quanh 15-16 tuổi đóng Trung Quốc duy trì mặt bằng giá khá ổn định. Cần chú ý đến cặp tàu J19n stainless steel **Damsgaard** và **Loevstakken** (~19.900 dwt, đóng 2016 Nhật, DD 07-08/2028, SS 09/2030-

01/2031) được chủ tàu Na Uy bán thành công cho Người mua Clear Ocean với giá khoảng 33 triệu đô la Mỹ/tàu. Mức này khá cao, do cặp tàu trên đã lắp máy lọc khí scrubber, dù già hơn một tuổi nếu so với tàu ***Eva Hongkong*** (19.861 dwt, đóng 2017 Nhật, máy chính eco, DD/SS 03/2027) bán tháng 7/2026 với giá khoảng 30 triệu đô la Mỹ. Giá cặp tàu trên sẽ là mốc tham chiếu mới cho dòng J19 trong tương lai.

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
<i>BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS</i>						
Princess Eternity	2022	Japan	182,263	78.00	Undisclosed	Incl n3 years BBHP, DD/SS 01/2027
Jian Fa	2004	China	175,085	18.50	Undisclosed	Scrubber fitted, DD 07/2027, SS 08/2029
Efraim A	2010	Tsuneishi Zhoushan, China	82,174	20.00	Undisclosed	DD 05/2028, SS 05/2030
BBG Wuzhou	2016	Tsuneishi Zhoushan, China	81,895	29.03	Undisclosed	Auction sale, DD/SS due 10/2026
Presinge	2015	Tsuneishi Zhoushan, China	81,886	31.00	Undisclosed	Eco M/E, DD 02/2029, SS 10/2030
Kartini Samudra	2004	Korea	73,592	7.80	Chinese	Old sale, DD 10/2027, SS 09/2029
Gramos	2019	NACKS, China	61,171	34.50	Greek	Eco M/E, DD 10/2027, SS 10/2029
Global Oriole	2012	NACKS, China	58,716	19.50	Undisclosed	Scrubber fitted, M/E MAN-B&W (made in China), DD/SS 04/2027
Lila Mundra	2009	STX Dalian, China	57,269	12.50	Undisclosed	DD 07/2027, SS 05/2029
Sanctum	2012	Japan	56,140	19.20	Indonesian	DD 05/2028, SS 07/2030
Amira Diana	2010	Samjin, China	36,009	11.50	Singaporean	Old sale, log-fitted, DD 10/2028, SS 04/2030
<i>TANKERS</i>						
Sonangol Namibe	2007	Korea	158,425	49.70	Undisclosed	DD/SS 03/2027
Bristol	2024	Korea	157,077	123.00	Greek, Naftomar	Scrubber fitted, eco M/E, DD 02/2027, SS 02/2029
On Promise	2026	Japan	50,100	61.00	Undisclosed	Scrubber fitted, dely 8/2026
On Prosper	2026	Japan	50,100	61.00		Scrubber fitted, dely 10/2026
Atlantic Eagle	2007	Korea	47,128	18.00	HK-based	Old sale, chemical IMO III, epoxy coated, DD/SS 12/2027
Mumbai	2003	Korea	46,818	10.35	Undisclosed	Chemical IMO II/III, epoxy coated, DD due 10/2026, SS 10/2028

Maersk Kate	2010	China	39,756	21.90	Greek	Chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD 10/2028, SS 08/2030
Damsgaard	2016	Japan	19,998	33.00	Clear Ocean	Scrubber fitted, chemical IMO II/III, stainless steel, DD 08/2028, SS 09/2031
Loevstakken	2016	Japan	19,996	33.00		Scrubber fitted, chemical IMO II/III, stainless steel, DD 07/2028, SS 09/2030
CONTAINERS						
Fitz Roy	2011	China	23,369	27.00	MSC	1740 teu, ice class II, CR 2X40T, DD 03/2029, SS 03/2031

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		07/2026	1M	3M	6M	12M	
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	81.50	0%	1%	4%	7%	64.75
180k dwt	5 tuổi	71.50	1%	1%	8%	13%	50.25
170k dwt	10 tuổi	56.00	2%	3%	11%	22%	35.50
150k dwt	15 tuổi	36.50	0%	0%	24%	35%	22.75
PANAMAX							
82k dwt	Resale	45.50	6%	7%	15%	20%	38.25
82k dwt	5 tuổi	40.00	4%	8%	21%	31%	32.00
76k dwt	10 tuổi	30.50	5%	7%	17%	30%	23.25
74k dwt	15 tuổi	21.50	6%	12%	26%	43%	15.50
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	43.00	0%	2%	12%	13%	36.50
58k dwt	5 tuổi	38.00	0%	3%	19%	25%	28.50
56k dwt	10 tuổi	28.50	2%	0%	16%	27%	20.75
52k dwt	15 tuổi	17.50	6%	12%	17%	28%	14.25
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	36.00	0%	0%	6%	11%	30.50
37k dwt	5 tuổi	30.50	3%	3%	13%	20%	24.25
32k dwt	10 tuổi	24.00	4%	7%	19%	36%	16.75
28k dwt	15 tuổi	13.00	0%	4%	11%	10%	10.50
VLCC							
310k dwt	Resale	175.00	0%	0%	17%	19%	123.50
310k dwt	5 tuổi	145.00	0%	4%	21%	24%	95.50
250k dwt	10 tuổi	115.00	0%	5%	28%	32%	69.75
250k dwt	15 tuổi	83.50	4%	4%	35%	44%	49.75
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	119.00	3%	10%	22%	27%	83.75
150k dwt	5 tuổi	104.00	9%	18%	30%	35%	66.00
150k dwt	10 tuổi	89.00	11%	25%	39%	44%	50.50
150k dwt	15 tuổi	54.00	6%	23%	29%	32%	33.00
AFRAMAX							
110k dwt	Resale	96.00	4%	10%	20%	28%	70.00
110k dwt	5 tuổi	85.00	6%	17%	26%	36%	56.50
105k dwt	10 tuổi	72.50	4%	21%	32%	45%	43.25
105k dwt	15 tuổi	47.00	4%	24%	31%	38%	29.00
MR							
52k dwt	Resale	61.00	0%	7%	15%	22%	47.00
52k dwt	5 tuổi	51.00	0%	9%	19%	28%	37.75
45k dwt	10 tuổi	41.00	0%	11%	24%	37%	28.25
45k dwt	15 tuổi	29.00	0%	12%	38%	57%	19.00

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
Tankers	319,000 dwt	125.00	4	Hantong	Minsheng Financial Leasing	2029-2030	Price per unit, to be chartered to Clearlake for 15 years at US\$ 43,000 pd
Tankers	114,000 dwt	-	2	Hengli, China	Montanari	2029	

Tankers	74,000 dwt	61.00	2	K Shipbuilding	International Seaways	FH 2028	
Tankers	50,000 dwt	-	2	COSCO Guangdong	Pantheon Tankers, Greece	2029	Price per unit
Tankers	50,000 dwt	45.50-46.00	5	Guangzhou Shipyard (GSI)	Minsheng Financial Leasing	2030	Price per unit, against long term TC to Shell
Bulkers	210,000 dwt	108.00	4	New Times	Wooyang, Korea	2029-2030	Price per unit, intended for long period employment a/c Vale
Bulkers	64,000 dwt	35.00	4	Goldenport, Greece	Nantong Xiangyu	2029	Price per unit
Bulkers	40,000 dwt	-	1	Imabari	Uni-Asia, Singapore	Late 2029-Early 2030	
Containers	22,000 teu	-	6	Hengli, China	MSC	2030-2031	
Containers	11,000 teu	120.00	6	SWS	Wan Hai Lines	2030	Price per unit, dual fuel LNG/methanol
Containers	3,100 teu	45.50	2	Hengli, China	STEM Shipping, Greece	2028	Price per unit, dual fuel LNG/methanol
Containers	1,700 teu	31.50	1	Chizhou Tianyu	Kamal & Adel, Iran	2028	
Containers	696 teu	-	1	Zhejiang Xinle	Blue Ocean Shipping, a j/v of Samudera, Indonesia and Imoto Corp., Japan	FH 2028	

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	07/ 2026	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	75.0	0.00%	1.35%	4.90%	4.90%
Panamax (77.000 dwt)	37.5	0.00%	2.74%	2.74%	1.35%
Supramax (61.000 dwt)	34.5	0.00%	2.99%	2.99%	1.47%
Handysize (37.000 dwt)	31.0	0.00%	5.08%	5.08%	3.33%

Giá trị tàu dầu/dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	07/ 2026	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	130.0	0.00%	0.00%	1.56%	1.56%
Suezmax (170.000 dwt)	89.0	0.00%	0.00%	3.49%	3.49%
A.max (115.000 dwt)	74.0	1.35%	1.35%	1.35%	1.35%
MR (56.000 dwt)	50.5	0.99%	0.99%	-1.92%	-1.92%

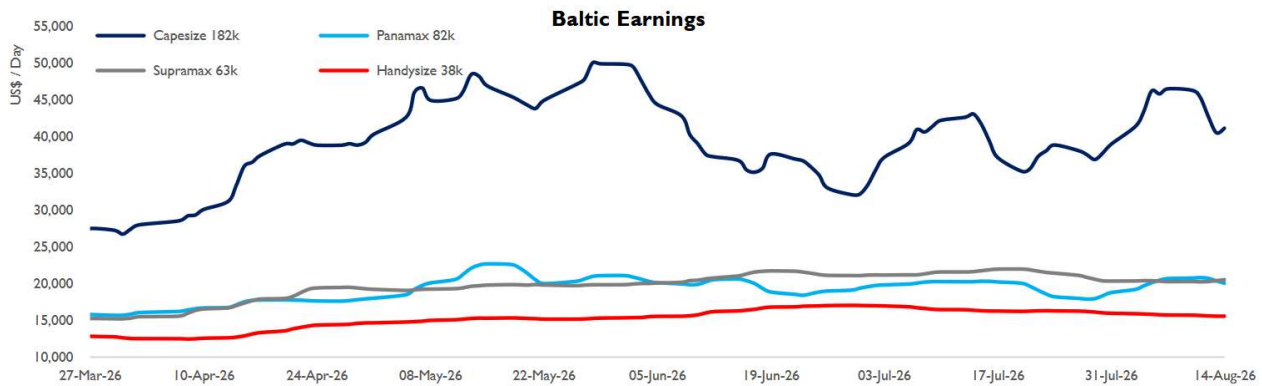
3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

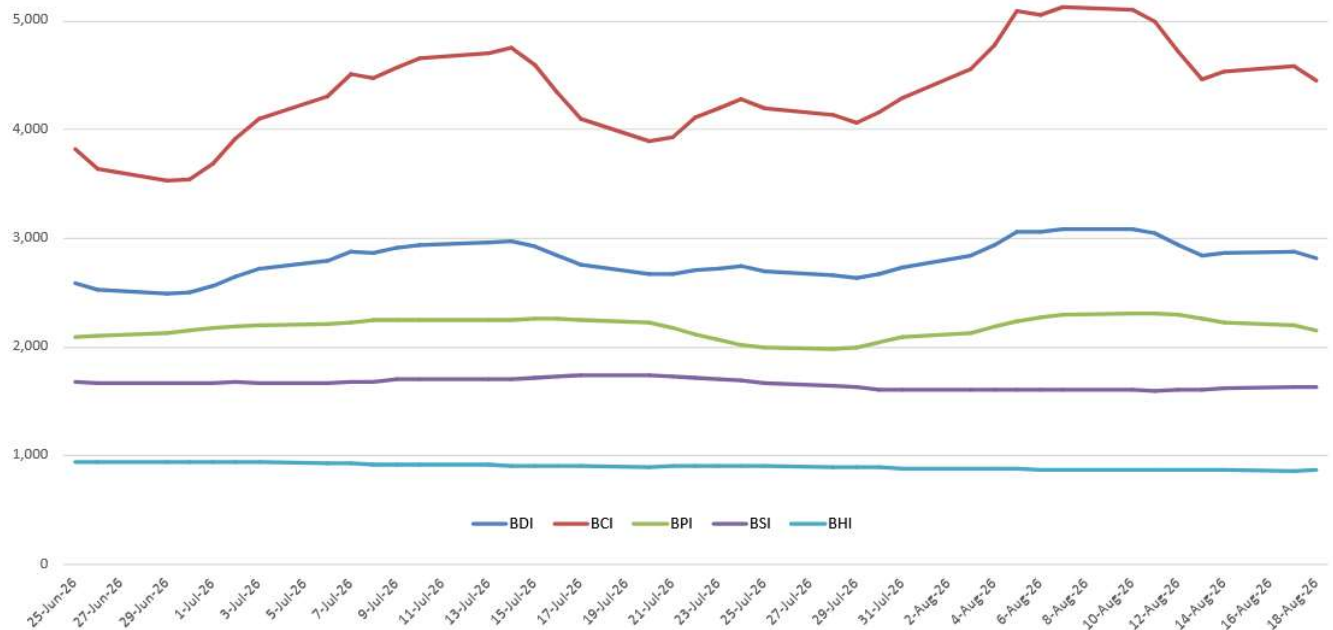
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 17/08/2026

	US\$/ngày	▼/▲
SUPRAMAX	18.474	▲ 250
HANDIES 38K	15.579	▼ 150

(so sánh với giá trị ngày 10/08/2026)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Theo ghi nhận, cả hai loại dầu WTI and Brent đều tăng hơn 5% trong tuần trước sau các cuộc tấn công nhằm vào những tàu chở dầu do Công ty Dầu khí Quốc gia Abu Dhabi (ADNOC) vận hành tại eo biển Hormuz và một nhà máy lọc dầu của Saudi Aramco. Tuy nhiên, các ý kiến cho rằng giá dầu khó tăng đáng kể nếu dòng dầu thô hiện vẫn được vận chuyển qua eo biển Hormuz vào ban đêm không bị đình trệ và eo biển Bab el-Mandeb không bị đóng cửa và hiện giá dầu đang giao dịch gần ngưỡng 90 đô la Mỹ/thùng khi các nhà giao dịch cân nhắc giữa nguy cơ gián đoạn và thiếu hụt nguồn cung sâu hơn với khả năng đạt được một giải pháp giúp eo biển Hormuz được mở cửa trở lại, qua đó khiến giá dầu giảm mạnh.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Thị trường Trung Đông tiếp tục ghi nhận mức cước tăng mạnh, khi người thuê tàu ở khu vực Viễn Đông đẩy nhanh việc chốt tàu trong bối cảnh nguồn cung tàu hạn chế và phí bảo hiểm rủi ro chiến tranh ở mức cao. Mặt bằng cước vẫn duy trì ở mức cao do rủi ro đối với hoạt động quá cảnh trong khu vực vẫn hiện hữu, trong khi tuyến WAFR/China hiện được đánh giá ở khoảng WS140s.		
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)
	Trung Đông/ Trung Quốc	550.355	559.559
	USG/Trung Quốc	133.604	132.034
Phân khúc tàu Suezmax	Cước tàu Suezmax tại thị trường Đại Tây Dương đã tăng và duy trì ở mức vững sau khi chủ tàu liên tục gây áp lực tăng cước trong suốt tuần qua. Cước tuyến Guyana/UKC tăng lên WS195, trong khi tuyến WAF/UKC tăng mạnh lên WS276. Hiện vẫn còn ít nhất 5 lô hàng tại Tây Phi chưa được chốt cho lịch cuối tháng 8/đầu tháng 9, tiếp tục tạo thêm động lực hỗ trợ thị trường. Trong khi đó, cước tại Biển Đen cũng tăng và duy trì xu hướng tích cực, với thông tin cho biết 3 tàu Suezmax đã được đưa vào đàm phán cho các chuyến tháng 9, ở mức khoảng WS575.		
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)
	Tây Phi / Cont	85.988	143.491
	USG / UKC	97.654	13.198

Phân khúc tàu Aframax

Thị trường khu vực Trung Đông được dự báo sẽ tiếp tục duy trì xu hướng vững, khi cước VLCC tăng mạnh khiến các người thuê tàu nhanh chóng chốt tàu, qua đó làm nguồn cung tàu tại khu vực thắt chặt hơn. Trong khi đó, thị trường Địa Trung Hải đang chịu áp lực giảm cước, do danh sách tàu sẵn có ở mức dồi dào cùng với nguồn tàu từ Biển Đen khiến lượng tàu dư thừa được điều chuyển sang các chuyến liên Địa Trung Hải, hiện được chốt quanh mức WS210.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
UKC / UKC	135.475	111.339	↓
Med / Med	76.918	67.214	↓
USG / Cont	84.795	101.675	↑
Caribs / USG	95.303	97.868	↑

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc tàu MR/Handy: Theo ghi nhận, các giao dịch của phân khúc tàu MR tại khu vực Địa Trung Hải tục gặp khó khăn, buộc phải điều chỉnh mạnh mức kỳ vọng cước để có thể chốt được hàng trong bối cảnh nguồn tàu cạnh tranh cao. Do đó, mặt bằng cước đã điều chỉnh giảm trên toàn thị trường. Mức chốt gần nhất trên tuyến Med/TA hiện giảm 25 điểm, xuống 37.000 tấn x WS110, đối với một tàu có hàng chạy trước là dầu cò. Các chuyến ngắn cũng chịu áp lực, với mức được ghi nhận gần nhất trên các tuyến UKC và X-Med lần lượt ở WS137,5 và WS140. Mặc dù sự phục hồi của TC14 (USG/UKC) đã bắt đầu thu hút các tàu chạy rộng từ Tây Phi và Tây Địa Trung Hải, triển vọng cho tuần tới vẫn được đánh giá thiên về giảm, xét trên khối lượng hàng hiện tại. Nguồn tàu sẵn có vẫn ở mức dồi dào, và dự kiến sẽ tiếp tục được bổ sung thêm trong dịp cuối tuần. Thị trường tàu Handy tại khu vực Bắc Âu khởi đầu tuần khá chậm. Một số ít lô hàng xuất hiện chủ yếu xem xét cả phương án 30.000 tấn và 37.000 tấn, do thị trường MR vẫn trong tình trạng dư cung nghiêm trọng và có mức cước kinh tế hơn. Do đó, tuyến TC23 (NWE/ARA – Santos) bắt đầu tuần ở khoảng WS220 nhưng đã giảm xuống WS175. Tuy nhiên, hoạt động giao dịch tăng lên vào nửa cuối tuần đã giúp rút ngắn danh sách tàu sẵn có. Thị trường Handy tại khu vực Địa Trung Hải cũng trải qua một tuần giao dịch chậm, với mặt bằng cước điều chỉnh từ 30.000 tấn x WS200 xuống 30.000 tấn x WS175; mức thử cước tiếp theo được dự báo sẽ ở gần WS170. Mặc dù danh sách tàu sẵn có đã giảm, đầu tuần thứ Hai dự kiến sẽ có lượng tàu dồn tích khá lớn, do đó chủ tàu sẽ cần hành động nhanh để xác lập mức đáy của thị trường. Thu nhập hiện đang tiến gần mức thấp đến mức chủ tàu khó có thể tiếp tục chấp nhận điều chuyển tàu ở các mức cước thấp hơn. Vì vậy, mặc dù về mặt cung cầu cơ bản thị trường vẫn có thể tiếp tục suy yếu, nhưng cuối cùng thị trường sẽ phải hình thành một mức sàn.

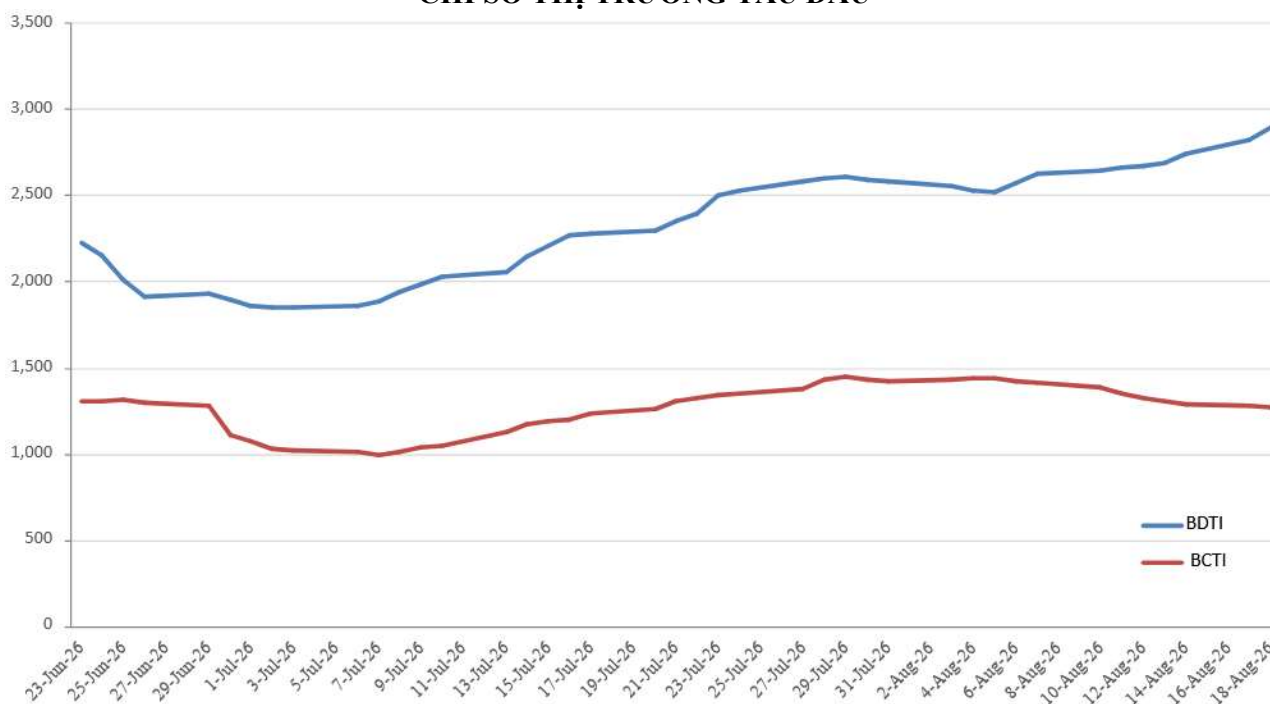
Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Theo ghi nhận, cước từ Houston đi Rotterdam và Santos giảm nhẹ trong tuần này, mặc dù cước cho lô 5.000 tấn đi Rotterdam đã được điều chỉnh tăng nhẹ. Hiện vẫn còn nguồn tàu hoàn toàn sẵn sàng cho các chuyến nửa cuối tháng 8, do đó chủ tàu chưa chịu áp lực phải chốt ở mức cước hiện tại. Các lô hàng được chốt cho lịch xa hơn chủ yếu thuộc về những chủ tàu dư tàu và có tàu phù hợp với hướng chạy ưu tiên. Nhu cầu đối với các lô hàng đi Bồ Tây Ấn Độ đang ở mức cao, tuy nhiên chủ tàu vẫn thận trọng chưa muốn chốt do thị trường Trung Đông biến động mạnh. Dự kiến chủ tàu sẽ đẩy mức cước tăng vào tháng 9 khi các chương trình hàng COA được xác nhận nhiều hơn, làm nguồn tàu sẵn có trở nên khan hiếm. Trong khi đó, cước trên tuyến Rotterdam/Houston giảm khoảng 0,5 đô la Mỹ/tấn trong tuần do tâm lý thị trường yếu hơn trên tuyến xuyên Đại Tây Dương hướng Tây, đồng thời thị trường CPP tại khu vực phương

Tây tiếp tục suy yếu. Hoạt động quá cảnh của tàu hóa chất qua eo biển Hormuz trong tuần qua vẫn ở mức rất thấp. Chỉ còn một nhóm rất nhỏ chủ tàu sẵn sàng nhận hàng tại Saudi Arabia khu vực Biển Đỏ và đi theo tuyến Vịnh Aden, qua đó cho phép một số người thuê tiếp tục duy trì vận chuyển, mặc dù trước đó đã xảy ra một loạt hủy hàng và chốt lại tàu cho các lịch tháng 8. Đối với thị trường vận chuyển dầu cò đường dài, nhìn chung không có nhiều thay đổi trong tuần này, với các chương trình hàng thông thường vẫn được triển khai và mặt bằng cước tiếp tục duy trì ổn định.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 33/2026			Giá thuê tàu định hạn tuần 32/2026		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	113,000	72,000	52,500	115,000	72,000	52,500
SUEZMAX	73,000	44,500	36,000	72,500	44,000	36,500
AFRAMAX	54,500	38,500	32,500	54,500	38,000	32,000
LR-2	55,500	39,500	34,000	55,000	39,000	34,000
LR-1	35,000	26,000	24,500	35,500	26,500	23,500
MR	29,500	23,500	21,000	29,500	23,000	20,500
HANDY	24,500	19,000	17,500	24,000	18,500	17,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Pakistan	443-448		463-468		473-478	
2	Bangladesh	445-450		465-470		475-480	
3	India	420-425	▼ 2	440-445	▼ 2	450-455	▼ 2
4	Turkey	262-264		272-274		282-284	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 33/2026

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	DWT	Comments
Lileo	Tankers	2003	17,538	India	-	115,418	
Cutta	Tankers	2001	11,552	India	-	38,615	
Green Stars	Tankers	2001	8,274	-	500.00	36,038	
Brave Leader	Bulkers	1992	5,031	Turkey	-	22,242	
ISA Star	MPP	2000	3,412	Bangladesh	475.00	8,275	
Elpis	RORO	1976	12,016	-	530.00	3,335	As is Penang

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG

PIONEER SHIPBROKERS

MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) | opn@pioneershipbrokers.com (chartering)

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.

Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.